

Hà Nội, ngày 16 tháng 12 năm 2019.

Số: 564/2019/QĐST-HNGĐ

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TX

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 652/2019/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Ông LTH, sinh năm 1982; Giấy chứng minh nhân dân số 012239378 do Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 06.12.2012.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở hiện tại: Số 32 ngõ 235 đường NT, quận TX, thành phố Hà Nội.

2. Bà NTTT, sinh năm 1981; chứng minh nhân dân số 0001181004084 do Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 08.10.2014.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: P101- A1 Tập thể KT, TX, Hà Nội.

Nơi ở hiện tại: Số 1 ngách 81, ngõ 345 KT, quận TX, thành phố Hà Nội

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

(1). Ngày 02.12.2019, ông LTH và bà NTTT có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân quận TX giải quyết việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nội dung yêu cầu cụ thể như sau:

+ Về hôn nhân:

Ông LTH và bà NTTT kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 09.5.2005 tại Ủy ban nhân dân phường Công Vị, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, hai bên xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

+ Về con chung; Ông LTH và bà NTTT có 02 con chung: LTK, sinh ngày 15.01.2007 và LTT, sinh ngày 08.12.2008.

Giao cả hai con chung cho bà NTTT trực tiếp nuôi dưỡng. Ông LTH cấp dưỡng nuôi con 6.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 12/2019 cho đến khi con chung trưởng thành hoặc có sự thay đổi khác.

Ông LTH được quyền đi lại chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

+ Về tài sản chung, vay nợ chung và riêng: Ông LTH và bà NTTT tự thỏa thuận không yêu cầu tòa giải quyết.

+ Về lệ phí: Ông LTH và bà NTTT tự chịu lệ phí ly hôn theo quy định.

(2). Tại biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 06 tháng 12 năm 2019, các bên đương sự đã thống nhất được toàn bộ nội dung yêu cầu Tòa án giải quyết.

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 12 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông LTH và bà NTTT thuận tình ly hôn.
- Về con chung: Ông LTH và bà NTTT có 02 con chung: LTK, sinh ngày 15.01.2007 và LTT, sinh ngày 08.12.2008.

Giao cả hai con chung cho bà NTTT trực tiếp nuôi dưỡng. Ông LTH cấp dưỡng nuôi con 6.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 12/2019 cho đến khi con chung trưởng thành hoặc có sự thay đổi khác.

Ông LTH được quyền đi lại chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

- Về tài sản chung: Ông LTH và bà NTTT tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về các vấn đề khác: Ông LTH và bà NTTT không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông LTH và bà NTTT mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí ông LTH và bà NTTT đã nộp tại biên lai số 0006566 và 0006565 ngày 06.12.2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận TX;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

PHƯƠNG THẢO

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 40-DS:

(1) Ghi tên Tòa án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Tòa án nhân dân cấp huyện thì cần ghi rõ Tòa án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ghi họ tên, địa chỉ của đương sự. Tùy theo độ tuổi mà ghi Ông hoặc Bà, Anh hoặc Chị trước khi ghi họ tên.

(3) Ghi họ tên của đương sự ly hôn.

(4) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành (kể cả án phí).